TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:169/2024/DS – ST
Ngày: 05-9-2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khel
Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:274/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2024; Về việc:*"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:397/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T. Địa chỉ trụ sở công ty: Số 128, đường N, pH B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Anh H, sinh năm 2000. Địa chỉ liên lạc: Số 47, đường L, pH B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Dương Thị Bé H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 108/04, đường V, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T là ông Võ Anh H trình bày:*

Vào ngày 16/01/2023, chị Dương Thị Bé H có đến chi nhánh của Công ty cổ phần T tại Sóc Trăng để cầm cố xe mô tô biển số 83P4-523.61 để vay số tiền 39.600.000 đồng, lãi suất là 1,1%/tháng, Thời gian cầm xe là 18 tháng. Hai bên thỏa thuận, thống nhất ký hợp đồng cầm cố tài sản số: STM230101009NA22X, Hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến trên hệ thống của Cục đăng ký Quốc gia. Do chị Dương Thị Bé H có nhu cầu sử dụng xe nên có thỏa thuận với Công ty để mượn lại xe mô tô cầm cố nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị Dương Thị Bé H đã không trả tiền vốn, lãi góp đúng như thỏa thuận và đến nay còn nợ lại Công ty số tiền vốn cầm cố xe là 39.600.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 20/5/2024 là 7.406.000 đồng và tính đến ngày 05/9/2024 là 8.929.800 đồng (Tiền lãi trong hạn là 7.840.800 đồng; Tiền lãi quá hạn là 1.089.000 đồng) và phí theo dõi 9.567.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T xin rút một phần khởi kiện, đối với yêu cầu bị đơn chị Dương Thị Bé H trả tiền phí mượn xe và quản lý hồ sơ với số tiền là 9.567.000 đồng.

Vì vậy, nay nguyên đơn Công ty T khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, giải quyết: Buộc bị đơn chị Dương Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền vốn, tiền lãi còn nợ nêu trên và tiền lãi suất tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

* Bị đơn chị Dương Thị Bé H được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại theo Hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn chị Dương Thị Bé H đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa

án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc bị đơn chị Dương Thị Bé H có nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại nêu trên cho nguyên đơn, cũng như tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi chị H thanh toán xong khoản nợ đã cầm cố cho nguyên đơn theo Hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn trả tiền phí mượn xe và quản lý hồ sơ với số tiền 9.567.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn Công ty T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn chị Dương Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện bị đơn chị Dương Thị Bé H yêu cầu thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay theo Hợp đồng cầm cố tài sản hai bên đã ký. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo nội dung thỏa thuận tại khoản 7 của Phụ lục hợp đồng cầm cố hai bên thỏa thuận, ký kết nêu trên khi có phát sinh tranh chấp nếu không thương lượng được thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về yêu cầu trả tiền phí

theo dõi hồ sơ với số tiền là 9.567.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền phí theo dõi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn chị Dương Thị Bé H thanh toán tiền vốn, tiền lãi cầm cố tài sản theo Hợp đồng cầm cố ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa hai bên, thỏa thuận ký kết thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi tiền vốn và lãi còn nợ lại, bị đơn chị Dương Thị Bé H không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn 39.600.000 đồng và tiền lãi còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2024) là 8.929.800 đồng (Tiền lãi trong hạn là 7.840.800 đồng; Tiền lãi quá hạn là 1.089.000 đồng). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Hợp đồng cầm cố số STM2301010.09NA22X ngày 16/01/2023; Phụ lục hợp đồng kèm theo; Giấy ủy quyền ngày 16/01/2023 của chị Dương Thị Bé H đồng ý giao tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 83P4-523.61; Giấy mượn xe ngày 09/01/2023 của chị Dương Thị Bé H; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 16/01/2023 của chị Dương Thị Bé H với Công ty T, chi nhánh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83P4-523.61 của chị Dương Thị Bé H và các tài liệu chứng cứ khác (bút lục số 19 đến 42) và..... Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội dung bị đơn chị Dương Thị Bé H có cầm cố xe mô tô biển số 83P4-523.61 cho Công ty T, chi nhánh Sóc Trăng để lấy số tiền 39.600.000 đồng, bị đơn chị Dương Thị Bé H đều có ký tên, nhận nợ và bị đơn chị Dương Thị Bé H chưa trả tiền vốn, tiền lãi cho bên nhận cầm cố tài sản, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn chị Dương Thị Bé H có cầm cố tài sản để vay tiền và còn nợ lại Công ty T số tiền vốn là 39.600.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 8.929.800 đồng.

Do bên cầm cố chị Dương Thị Bé H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi, định kỳ hàng tháng theo nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố số STM2301010.09NA22X ngày 16/01/2023 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn chị Dương Thị Bé H yêu cầu thanh toán tiền vốn, tiền lãi còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 48.529.800 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 83P4-523.61 của chị Dương

Thị Bé H do hai bên Công ty T với chị H thỏa thuận cho chị H mượn lại xe mô tô này theo Giấy mượn xe 09/01/2023 và nguyên đơn không có yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007262 biển số 83P4-523.61 do chị Dương Thị Bé H đứng tên, được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/12/2022 hiện do Công ty T giữ, nên có nghĩa vụ trả lại cho chị Dương Thị Bé H sau khi chị H trả xong số tiền nợ cầm cố nêu trên.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn chị Dương Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 2.426.490 đồng. Nguyên đơn Công ty T không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 309, 310, 315 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn chị Dương Thị Bé H, về việc tranh chấp Hợp đồng cầm cố số STM2301010.09NA22X ngày 16/01/2023;

2. Buộc bị đơn chị Dương Thị Bé H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T số tiền vốn, tiền lãi (tạm tính đến ngày 05/9/2024) tổng cộng là

48.529.800 đồng. Trong đó, tiền vốn là 39.600.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 8.929.800 đồng (Tiền lãi trong hạn là 7.840.800 đồng; Tiền lãi quá hạn là 1.089.000 đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Thị Bé H chậm thanh toán số tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng cầm cố số STM2301010.09NA22X ngày 16/01/2023 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 06/9/2024 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

Công ty T có nghĩa vụ giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007262, biển số 83P4-523.61 do chị Dương Thị Bé H đứng tên, được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/12/2022 cho chị Dương Thị Bé H, sau khi chị H trả xong số tiền nêu trên.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, đối với yêu cầu bị đơn chị Dương Thị Bé H trả tiền phí mượn xe và quản lý hồ sơ.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Buộc bị đơn chị Dương Thị Bé H có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.426.490 đồng.

4.2 Nguyên đơn Công ty T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.414.325 đồng theo biên lai thu số 0001884 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND TP. Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha